TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2017
V/v "tranh chấp ly hôn giữa chị L và anh M"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phương Trúc
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành
2. Ông Hồ Tấn Lợi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1983; (có mặt)
Nơi ĐKNKTT: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.
Chổ ở hiện tại: ấp T, xã T, huyện C1, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1972; (vắng mặt)
Địa chỉ: 641, ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/7/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày: chị và anh M cưới nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2013 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh M đi làm không đưa tiền phụ giúp chị trang trải cuộc sống gia đình mà thường xuyên kiếm chuyện gây sự với chị, vợ chồng cãi vả, anh M đánh chị nên tháng 8/2016 chị về nhà cha mẹ ruột ở, sau đó anh M đến năn nỉ và rước chị về nên vợ chồng đoàn tụ. Vào tháng 01/2017, anh M tiếp tục đánh chị nên chị ẳm con về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn M.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Mai C, sinh ngày: 19/8/2014, hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về Ca tài sản: vợ chồng không có tài sản.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/7/2017, bị đơn anh Phạm Văn M trình bày: GIữa anh và chị L không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là cải vả về những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình tuy nhiên anh thừa nhận trong lúc cãi nhau anh có đánh chị L 02 bạt tay và chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở vào năm 2016, sau đó anh đến rước chị L về, vợ chồng hàn gắn đến tháng 01/2017 lại tiếp tục mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương chị L, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Về nuôi con chung: Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Thị Mai C, sinh ngày: 19/8/2014, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: vợ chồng không có tài sản

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung:

Về hôn nhân: chị L yêu cầu ly hôn, anh M không đồng ý nhưng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm, cũng không đến tham dự phiên tòa cho thấy anh M không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về nuôi con chung: chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Thị Mai C, sinh ngày: 19/8/2014, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, anh M cũng đồng ý nên cần ghi nhận. Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con đảm bảo theo quy định tại Điều 81 và được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn M cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2013 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh M là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đối với anh Phạm Văn M đã nhận thông báo phiên tòa sơ thẩm lần 2, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh M vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Phạm Văn M.

Về nội dung:

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong về các vấn đề nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày. Khi mâu thuẫn xảy ra, cả chị L và anh M đều không khéo léo dàn xếp để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà trái lại anh M còn hành xử thô bạo đánh chị L làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cụ thể: vợ chồng đã mâu thuẫn và hàn gắn 01 lần vào năm 2016 nhưng đến tháng 01/2017 anh M tiếp tục đánh chị L nên chị L tiếp tục về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị L cương quyết yêu cầu ly

hôn với anh M. Đối với anh Phạm Văn M, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải hợp lệ nhưng anh M không đến Tòa án để tham dự buổi hòa giải. Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/7/2017, mặc dù anh M nêu không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con và anh M đã nhận được thông báo phiên tòa sơ thẩm hợp lệ nhưng vẫn cố tình không đến tham dự phiên tòa hôm nay, điều đó cho thấy anh M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa chị L và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh M.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Mai C, sinh ngày: 19/8/2014, hiện đang ở với chị L, cả chị L và anh M đều đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con chung, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay con chung ở với chị L, yêu cầu của chị L và anh M là phù hợp nên cần chấp nhận. Anh M không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị L và anh M nêu vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu chia tài sản và nợ chung không có nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Ngô Thị L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị L về việc "tranh chấp ly hôn" đối với anh Phạm Văn M.

Về hôn nhân: chị Ngô Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn M.

Về nuôi con chung: chị Ngô Thị L được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Thị Mai C, sinh ngày: 19/8/2014. Anh Phạm Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: chị Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000009 ngày 17/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị L đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện C;*
- *Thi hành án C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn – Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Trúc